

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI AN SINH XÃ HỘI TỪ CÔNG TÁC
TÁI ĐỊNH CƯ TẠI CÁC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN

MỤC LỤC

I. Thực trạng cuộc sống của người dân tại một số địa bàn tái định cư thủy điện: Trường hợp Sơn La	2
<i>I.1. Ổn định chỗ ở</i>	<i>4</i>
<i>I.2. Sinh kế của người dân</i>	<i>4</i>
<i>I.3. Phương tiện vận chuyển, đi lại</i>	<i>6</i>
II. Một số vấn đề rút ra đối với công tác tái định cư thủy điện	6
<i>II.1 Chính sách chưa được thực hiện đồng đều</i>	<i>6</i>
<i>II.1. Chưa chủ động quỹ đất tái định cư</i>	<i>7</i>
<i>II.2 Cuộc sống nơi ở mới chưa hẳn tốt hơn nơi ở cũ</i>	<i>8</i>
III. Một số đề xuất	9
<i>III.1 Cơ chế giải trình minh bạch</i>	<i>9</i>
<i>III.2 Sinh kế lâu dài và văn hóa cho người dân vùng tái định cư phải được đặt lên hàng đầu trong mỗi dự án thủy điện</i>	<i>10</i>
<i>III.3. Lập kế hoạch di dân và tái định cư với tầm nhìn dài hạn</i>	<i>11</i>
<i>III.4. Nâng cao năng lực của các cấp có thẩm quyền</i>	<i>11</i>
<i>III.5 Xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích giữa người dân và chủ đầu tư</i>	<i>12</i>
<i>III.6 Xây dựng chính sách chung, thống nhất cho công tác di dân, tái định cư trong các công trình thủy điện</i>	<i>12</i>

Trong những năm qua, Việt Nam đã thực hiện khá nhiều dự án thủy điện đòi hỏi phải xây dựng các hồ chứa nước, hình thành đập thủy điện, có tác động nhiều đến sản xuất và ảnh hưởng đến đời sống của đồng bào. Nhiều vùng trong khu vực lòng hồ, người dân phải di dời, thay đổi nơi cư trú và tái định cư trên nhiều địa bàn mới. Theo thống kê chưa đầy đủ thì riêng các công trình thủy điện trong nước đã có hơn 150 ngàn người dân bị ảnh hưởng trước đây và gần 400 ngàn người bị ảnh hưởng trực tiếp hiện nay.

Tái định cư là vấn đề lớn bởi nó liên quan đến vấn đề ổn định cuộc sống, tạo sinh kế mới và giữ gìn bản sắc văn hóa của cộng đồng cư dân. Vấn đề càng trở nên quan trọng đối với tái định cư thủy điện bởi nó diễn ra trên một địa bàn rộng, số lượng người dân phải di dời – chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số - lớn. Việc di chuyển, tái định cư để thực hiện các dự án thủy điện ở miền núi trên thực tế rất khác với các dự án giải phóng mặt bằng ở miền xuôi, đòi hỏi những chính sách đặc biệt nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến tài nguyên và con người. Thực hiện mục tiêu tái định cư, hoạt động cơ bản là đảm bảo điều kiện sống và sản xuất cho người dân. Có làm tốt hai mắt khâu này thì người dân mới yên tâm ổn định cuộc sống tại nơi ở mới.

Bài viết này không đi sâu phân tích những kết quả cụ thể của công tác di dân, tái định cư của các công trình thủy điện cụ thể mà chỉ muốn đề cập đến một số nguyên nhân chính yếu đã tồn tại và được thực thi chưa hiệu quả của chúng đối với đời sống nhân dân các khu vực di dân và tái định cư, sự chưa hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội các vùng tái định cư nói chung. Bài viết tập trung tìm hiểu thực trạng cuộc sống của người dân tại một số địa bàn tái định cư thủy điện Sơn La. Từ đó rút ra những vấn đề và khuyến nghị nhằm đảm bảo an sinh xã hội đối với dân cư tại đây.

I. Thực trạng cuộc sống của người dân tại một số địa bàn tái định cư thủy điện: Trường hợp Sơn La

Theo Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư Dự án thủy điện Sơn La đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tổng số dân di chuyển thuộc Dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La là 20.340 hộ, 92.301 nhân khẩu. Trong đó, tỉnh Sơn La 12.584 hộ, 58.337 khẩu; tỉnh Điện Biên 4.459 hộ, 17.010 khẩu; tỉnh Lai Châu 3.297 hộ, 16.954 khẩu.

Tổng số khu, điểm tái định cư tập trung của Dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La 78 khu, 285 điểm, tái định cư xen ghép vào 38 bản thuộc 17 xã và tái định cư tự nguyện; bố trí tái định cư cho 20.477 hộ (gồm số dân di chuyển thuộc Dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La và Dự án đường tránh ngập đường Mường Lay-Nậm Nhùn, giai đoạn 1).

Đối với tỉnh Sơn La, tái định cư tập trung tại 54 khu, 237 điểm có tổng diện tích đất ở và đất sản xuất là 37.207 ha. Tổng mức đầu tư Dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La hơn 26.457 tỷ đồng, trong đó, nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư hơn 17.417 tỷ đồng, còn lại là nguồn vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam gần 9.040 tỷ đồng. Nguồn vốn này phân bổ cho tỉnh Sơn La hơn 16.316 tỷ đồng; tỉnh Điện Biên gần 6.712 tỷ đồng; tỉnh Lai Châu hơn 3.429 tỷ đồng để thực hiện dự án.

Quy hoạch tổng thể di dân, tái định cư Dự án thủy điện Lai Châu nhằm tạo điều kiện để đồng bào tái định cư sớm ổn định chỗ ở và đời sống, phát triển sản xuất, cuộc sống vật chất, tinh thần ngày càng tốt hơn nơi ở cũ. Theo Quy hoạch, tổng số dân bị ảnh hưởng trực tiếp nằm trong mặt bằng xây dựng công trình và vùng ngập lòng hồ phải di chuyển 1.331 hộ với 5.867 khẩu, số dân bị ảnh hưởng trực tiếp 617 hộ với 3.873 khẩu (số liệu điều tra tháng 12/2008).

Cụ thể, với tỉnh Sơn La, tái định cư tập trung tại 54 khu, 237 điểm có tổng diện tích đất ở và đất sản xuất là 37.207 ha. Với tỉnh Điện Biên, tái định cư tập trung 11 khu, 11 điểm có tổng diện tích đất ở và đất sản xuất là 12.004 ha. Còn với tỉnh Lai Châu, tái định cư tập trung 13 khu, 37 điểm có tổng diện tích đất ở và đất sản xuất là 9.278,3 ha.

Tái định cư là vấn đề lớn bởi nó liên quan đến ổn định cuộc sống, tạo sinh kế mới và giữ gìn bản sắc văn hóa của cộng đồng cư dân. Vấn đề càng trở nên quan trọng đối với tái định cư thủy điện Sơn La bởi nó diễn ra trên một địa bàn rộng, số lượng người dân phải di dời – chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số - lớn.

Thực tế đã cho thấy rằng, trong hầu hết các công trình thủy điện được xây dựng, dù ít, dù nhiều chúng ta đều đã gặp phải vấn đề nan giải nhất đó là việc phải di chuyển một số lượng nhất định dân cư ra khỏi các khu vực xây dựng công trình và các khu vực bị ngập lụt khi hồ chứa nước được hình thành. Công tác di chuyển dân cư, tái định cư của các công trình thủy điện đã thực hiện ở nước ta từ trước đến nay có thể khẳng định là những công việc có tầm quan trọng đặc biệt vì nó mang tính không chỉ ở ý nghĩa kinh tế thuần túy mà còn mang ý nghĩa xã hội rất lớn. Tuy nhiên theo đánh giá chung các kết quả đạt được của công tác này nhìn chung chưa cao nó liên quan đến cả 2 khía cạnh xã hội và cả ở mặt phát triển kinh tế. Nguyên nhân sự chưa thành công của công tác này, những nét chính thể hiện những khiếm khuyết phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức của một số nhà quản lý, một số cơ quan chịu trách nhiệm thực thi công tác này ở các thời điểm cụ thể. Trong các bước làm việc liên quan tới tái định cư, như: xác định nhu cầu tái định cư, lựa chọn địa điểm TĐC, quy hoạch và thiết kế làng TĐC, xây dựng làng TĐC, đền bù, di chuyển, phục hồi và phát triển sản xuất và đời sống tại nơi mới TĐC, cơ quan quản lý dự án và các cấp chính quyền liên quan đã phối hợp chặt chẽ với nhau trong tổ chức sự tham gia của công chúng.

Nội dung trao đổi là sự cần thiết phải di chuyển khỏi lòng hồ, khả năng chọn địa điểm sẽ tái định cư, dự kiến thời gian di chuyển, dự báo tình hình sản xuất và sinh sống tại nơi mới.

Việc chuyển dân vùng lòng hồ thủy điện Sơn La được tiến hành bằng 3 phương thức là Di vén, xen ghép với các điểm dân cư, hình thành các điểm dân cư mới. Ở Hua Tát, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La là hình thức di dân xen ghép với điểm dân cư mới. Nhược điểm của hình thức di dân xen ghép là chỉ bảo đảm một lượng cư dân không lớn, hạn chế ở các quan hệ dòng tộc hoặc các quan hệ thân thuộc. Điều này dễ xảy ra mâu thuẫn do sức ép về quyền lợi, do chia xẻ không đều những lợi ích cũng như những tổn thất trong quá trình tái định cư. Mặt khác do chuyển cư phân tán nên Nhà nước khó đầu tư cơ sở vật chất để nâng cao đời sống dân cư.

1.1. Ổn định chỗ ở

Bản Hoa 2, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La là điểm tái định cư đầu tiên với 43 hộ dân di dời từ xã Ít Ong, huyện Mường La về. Đối với điểm mẫu, chính sách của nhà nước là hỗ trợ tối đa về nhà ở, đất sản xuất, lương thực, thực phẩm, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Nhà ở được bố trí thành 3 dãy, xây theo kiểu nhà sàn truyền thống nhưng bằng bê tông, lợp mái tôn đỏ. Nhìn từ xa, 3 dãy nhà sàn bê tông, mái đỏ nép vào sườn núi rất nên thơ, lãng mạn. Khuôn viên mỗi nhà gồm 400 m² gồm nhà ở và đất vườn. Các căn nhà được bố trí liền kề, theo cùng một kiểu mẫu kích thước như nhà tập thể dưới xuôi. Người dân phản ánh, kiểu nhà này rất chắc chắn, nhưng không phù hợp bởi nó nóng và không thoáng. Rút kinh nghiệm từ điểm bản Hoa 2, xã Tân Lập, đối với điểm tái định cư Mường Bó, xã Loóng Sập, huyện Mộc Châu và bản Hua Tát, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, nhà nước hỗ trợ kinh phí di dời. Người dân tháo dỡ nhà ở cũ, chuyển đến nơi ở mới. Trên cơ sở diện tích đất ở như nhau, tùy theo điều kiện, các hộ gia đình có thể dựng nhà theo nhu cầu của mình. Điều này đảm bảo được không gian ở theo tập quán của người Thái. Tuy nhiên, diện tích ở thường hẹp hơn so với nơi ở cũ, hầu hết các hộ gia đình không còn nhiều đất vườn quanh nhà nên không dễ trồng rau, nuôi gia cầm và gia súc để góp phần cải thiện bữa ăn hàng ngày.

1.2. Sinh kế của người dân

Sinh kế của người dân tái định cư là công việc quan trọng tiếp theo sau khi đã ổn định chỗ ở. Người dân ở bản Hoa 2, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu người dân đã chuyển đổi sinh kế hoàn toàn. Trước đây, bà con canh tác ruộng nước thì bây giờ chuyển đổi sang chăn nuôi bò sữa và trồng chè. Do không có kinh nghiệm, cộng với điều kiện khí hậu lạnh, nhiều sương mù nên bò chết hoặc không cho sữa. Hiện nay, người dân trồng chè là chủ yếu. Với gần 1 ha đất nương trồng chè, bà con thật sự trở thành những người công nhân. Sản lượng chè được nhà máy chè Tài Lộc của Đài Loan bao mua toàn bộ. Theo anh Quàng Văn Bình, Bí thư chi bộ bản Hoa 2

cho biết, một năm thu hoạch 5 lúa chè, nhà nào ít là 3 tạ, nhà nào nhiều thì 1 tấn. Với giá thu mua như hiện nay là 7.000đ/kg thì cũng tạm đảm bảo cuộc sống. Mặc dù vậy, hình thức chuyển đổi sinh kế ở bản Hoa 2 vẫn còn nhiều bất cập bởi thu nhập chính của gia đình phụ thuộc hoàn toàn vào năng suất của chè và lượng thu mua, giá cả của nhà máy. Lương thực, thực phẩm và tất cả nhu yếu phẩm cần thiết đều phải mua, dẫn đến tình trạng nhiều gia đình chi tiêu không có kế hoạch nên thiếu ăn, nhà nước phải hỗ trợ gạo. Xuất hiện tình trạng tư thương bán chịu với giá cao và tính lãi. Rút kinh nghiệm từ bản Hoa 2, xã Tân Lập, đối với Mường Bó, sinh kế của đồng bào được giữ nguyên so với trước đây. Người dân Mường Bó được xem xét, kiểm tra điều kiện sống ở nơi tái định cư trước. Sau khi kiểm tra điều kiện khí hậu, nguồn nước, chất đất, thấy phù hợp với hoạt động canh tác lúa nước, bà con yên tâm chuyển đến, nhận đất, nhận rừng để sản xuất. Nhờ đó, cuộc sống của bà con được đảm bảo. Do ở tập trung thành một khu vực riêng nên người dân có điều kiện mở rộng diện tích canh tác ngoài diện tích mà nhà nước đảm bảo cấp đủ, cấp đúng. Ông Cẩm Văn Nguyễn, Bí thư chi bộ bản Mường Bó cho hay gia đình ông mới mở rộng thêm 5000m² đất ruộng để canh tác. Không chỉ có gia đình ông mà nhiều gia đình khác trong bản cũng đã mở rộng diện tích canh tác. Nhờ thế, cuộc sống của người dân không những đã ổn định mà còn có bước phát triển. Khác với Mường Bó, điểm tái định cư xen ghép Hua Tát, xã Cò Nòi gồm 7 hộ gia đình, ngoài diện tích đất canh tác do nhà nước cấp, họ không có điều kiện mở rộng diện tích do quỹ đất có hạn, cũng không thể mở rộng bởi đất đai đã được người dân sở tại khai phá hết. Cũng cần phải nói thêm rằng, diện tích đất nương rẫy do người dân sở tại nhường lại cho bà con tái định cư cũng là đất xấu, lẫn nhiều sỏi đá, ở xa nơi cư trú nên ngoài trồng ngô, chặt mía thuê việc chuyển đổi sinh kế cho người dân tái định cư ở Hua Tát chưa thực hiện được.

Bên cạnh đó, trong quá trình tái định cư đã có nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình ổn định cuộc sống và sản xuất. Ở Hoa 2, do điều kiện sống không phù hợp với tập quán sinh hoạt và sản xuất nên đã có 13 hộ dân bỏ về quê cũ, dẫn đến tình trạng ở Hoa 2 quản lý nhân khẩu trên giấy tờ (đăng ký nhân khẩu), còn ở Ít Ong quản lý con người nhưng không có giấy tờ. Hoặc như ở Hua Tát (xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn), với 7 hộ dân được trang bị 01 máy bơm nước, không đủ nước sinh hoạt. Cá biệt, có hộ gia đình từ năm 2008 đến năm 2013 chưa được cấp đất canh tác, và cũng chỉ mới được cấp vào cuối năm 2013 dẫn đến những bức xúc của gia đình trong thời gian qua. Đơn cử như ở Mường Bó, xã Loóng Sập, huyện Mộc Châu, mặc dù cuộc sống và sản xuất được chính người dân ở đây thừa nhận là tốt hơn ở trên quê cũ nhưng cơ sở hạ tầng vẫn còn bất cập như không có sóng điện thoại, cách xa trung tâm xã (21km)...

Trong quá trình thực hiện tái định cư, ngoài việc thực hiện tốt chính sách, đường lối của nhà nước để ổn định cuộc sống, những vấn đề phát sinh cần nhanh chóng khắc phục để đồng bào yên tâm sản xuất tại nơi ở mới. Có như vậy, chủ

TRUNG TÂM THÔNG TIN – TƯ LIỆU - 2014 **5**

trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước về tái định cư, đặc biệt là tái định cư của thủy điện Sơn mới đi vào cuộc sống, phục vụ lợi ích quốc gia và phát triển đời sống của người dân tái định cư.

1.3. Phương tiện vận chuyển, đi lại

Trước đây, đi bộ là chủ yếu thì nay xe máy là phương tiện vận chuyển chủ yếu và quan trọng. Nam nữ đều có thể đi xe máy. Người già không đi xe máy mà đi bộ. Đi đâu có con cháu dùng xe máy đưa đi. Giá trị của xe máy không lớn, tầm trên dưới 10 triệu. Xe được sử dụng trong các trường hợp: về quê cũ, đi ra xã, đi ra trung tâm mua đồ và đi làm rẫy. Vì đất được cấp cách xa nơi ở khoảng từ 5 đến 10 km nên xe máy được sử dụng phổ biến. Thông thường nhà có 1 xe máy. Tuy nhiên, nhà có nhiều con trai đang ở tuổi trưởng thành thì có khoảng 2 xe máy. Xe đạp cũng có, dành cho phụ nữ và trẻ con đi học (nếu đi học xa). Để vận chuyển đồ đạc nhiều và nặng, gùi, xe bò/xe trâu kéo là phương tiện quan trọng. Gùi được dùng để vận chuyển những vật đơn giản như nông cụ đi làm nương rẫy, rau, măng hái được khi đi rừng. Xe trâu, xe bò dùng để vận chuyển nông sản khi thu hoạch. Nhìn chung, phương tiện đi lại hầu như do bà con tự lo để đáp ứng nhu cầu hàng ngày. Đường giao thông ở một số nơi đã được trải nhựa tốt phục vụ việc đi lại của bà con, song vẫn còn nhiều nơi hệ thống hạ tầng giao thông chưa hoàn chỉnh. Tại Sơn La, hệ thống các cơ sở hạ tầng khác như trạm y tế, điện, trường học được đảm bảo. Song, chợ cách xa khu dân cư nên bất tiện cho hoạt động trao đổi, mua bán.

II. Một số vấn đề rút ra đối với công tác tái định cư thủy điện

Từ một số quan sát với trường hợp tái định cư thủy điện Sơn La, có thể thấy, với cuộc sống ở nơi ở mới, bà con tái định cư đều được đảm bảo điều kiện cơ sở hạ tầng, nhà ở và đất nương rẫy để sản xuất. Tuy nhiên, trong quá trình định canh, định cư, một số vấn đề phát sinh cần được giải quyết sớm. Sinh kế của người dân tái định cư là công việc quan trọng tiếp theo sau khi đã ổn định chỗ ở nhưng chưa được giải quyết thấu đáo. Bên cạnh đó, trong quá trình tái định cư đã có nhiều vấn đề phát sinh trong quá trình ổn định cuộc sống và sản xuất. Nguyên nhân chính của những vấn đề này là:

II.1 Chính sách chưa được thực hiện đồng đều

Theo PGS. TS. Đặng Nguyên Anh - Viện Trưởng Viện Xã hội học, dù có ảnh hưởng lớn, nhưng cơ chế quản lý và chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư lại không đồng bộ, mỗi dự án làm một cách. Chính điều này tạo nên sự thiếu thống nhất trong việc quản lý và thực thi chính sách, nảy sinh tư tưởng so sánh quyền lợi trong người dân, ảnh hưởng đến công bằng xã hội. Chính phủ ban hành các chính sách riêng cho mỗi công trình dự án dẫn đến các chính sách phục hồi sinh kế sau tái định cư tại các công trình thủy điện, thủy lợi đến nay chưa thống nhất, mỗi dự

án có mức đền bù, hỗ trợ khác nhau dẫn đến chưa công bằng trong công tác đền bù và hỗ trợ.

Có thể thấy mức hỗ trợ cho các hộ dân tái định cư thuộc dự án tái định cư tại Sơn La, Tuyên Quang cao hơn nhiều ở các dự án thủy điện khác như Cửa Đạt (Thanh Hoá), Bản Vẽ (Nghệ An), Đa Mi (Bình Thuận), Sông Hinh (Phú Yên)¹... làm nảy sinh thắc mắc giữa các địa phương, cộng đồng dân cư và người bị ảnh hưởng về chính sách đền bù, hỗ trợ tái định cư. Những hộ di chuyển trước thường chịu nhiều thiệt thòi so với những người đi sau. Tình trạng có nhiều chính sách khác nhau trong việc đền bù thiệt hại và như tái định cư cho người dân không thấy công bằng thoả đáng trong chính sách hiện nay.

Thêm nữa, chính sách đền bù, tái định cư của nước ta mới chỉ dừng ở việc đền bù quyền sử dụng đất và các tài sản bị thiệt hại trực tiếp. Các thiệt hại gián tiếp và vô hình khác, về thu nhập, về kinh tế như lợi thế trong vị trí kinh doanh, đánh bắt cá, từ sản phẩm rừng... không được tính đến. Trong khi, đây lại là điểm rất quan trọng đối với đời sống người dân và đồng bào dân tộc.

II.1. Chưa chủ động quỹ đất tái định cư

Công tác quy hoạch và dự báo về nhu cầu tái định cư không được đặt ra đúng với vai trò của nó nên càng làm cho công tác bố trí tái định cư lúng túng. Việc tái định cư thủy điện ở miền núi thường gặp nhiều khó khăn về đảm bảo đất đai canh tác. Đồng bào không chỉ bị mất đất sản xuất trực tiếp mà còn bị đe dọa do sinh kế bất ổn định và tài nguyên rừng không còn. Trên thực tế, hầu hết người dân tái định cư được đền bù diện tích hẹp hơn và chất lượng đất xấu hơn so với nơi xuất cư. Quỹ đất cho sản xuất bị thu hẹp, người dân phải tiếp tục khai thác rừng và tài nguyên nhằm đảm bảo nguồn sinh kế và an toàn lương thực cho gia đình. Hậu quả là đất và rừng ngày càng bị thu hẹp với chất lượng xấu đi.

Về nguyên tắc, công tác di dân tái định cư phải đảm bảo yếu tố ổn định đời sống người dân tái định cư nhanh và bền vững về sinh kế, môi trường. Tuy nhiên, từ phía cơ quan quản lý, nhiều quy định chồng chéo và thay đổi liên tục khiến cho đời sống của người dân bị xáo trộn và hoang mang.

Các địa phương không chủ động trong việc chuẩn bị trước quỹ đất tái định cư. Ngay cả khi có chủ trương chuẩn bị trước thì việc triển khai các thủ tục phê duyệt dự án, xây dựng công trình, cấp phát vốn cũng kéo dài khiến chủ trương này không phát huy được tác dụng. Ở khu tái định cư, các hộ dân từ thị trấn chuyển về bị mất nghề buôn bán trước đây, những hộ thuần nông thì không được nhận đất canh tác hoặc đất không đúng chủng loại, kém chất lượng. Mỗi hộ được chia đất làm nhà

¹ Mức đền bù và hỗ trợ của thủy điện Tuyên Quang bình quân 450 triệu/hộ, Sơn La trên 500 triệu/hộ ở các dự án thủy điện mức thấp hơn bình quân khoảng 200 - 250 triệu/hộ

không đủ để đáp ứng nhu cầu ở theo phong tục, tập quán của họ, không có đất trồng rau, tăng gia canh tác.

II.2 Cuộc sống nơi ở mới chưa hẳn tốt hơn nơi ở cũ

Đằng sau những vấn đề nói trên là những hạn chế, bất cập, có phần áp đặt chủ quan trong công tác di dân tái định cư, không phát huy được sự năng động, và chưa thực sự tìm hiểu nguyện vọng, lắng ý kiến của nhân dân. Cơ chế chính sách về đền bù, hỗ trợ có điều chưa hợp lý, sát thực tế, nội dung quy hoạch chưa phù hợp với điều kiện tự nhiên, địa hình và trình độ dân trí của người dân miền núi.

Ngoài nơi ở và tái định cư, một vấn đề đặt ra là cần có chính sách, cơ chế tài chính để giải quyết việc làm sau khi tái định cư (gồm hộ phải di chuyển và hộ sở tại bị mất đất). Việc khôi phục lại đời sống, sinh kế của những hộ bị ảnh hưởng đòi hỏi thời gian lâu dài.

Hộp 1: Liều mình mưu sinh trên hồ thủy điện

Chủ Nhật, 22:47 21/12/2014

Thiếu đất sản xuất nên hằng ngày, gần 1.000 người dân tái định cư phải mưu sinh trên lòng hồ thủy điện Bản Vẽ ở tỉnh Nghệ An

Để xây dựng Nhà máy Thủy điện Bản Vẽ (320 MW), từ năm 2007-2009, hơn 2.120 hộ dân ở huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đã rời quê cũ đến nơi ở mới tại huyện Thanh Chương (cách nơi cũ hơn 150 km) sinh sống. Tuy nhiên, do đời sống tại nơi ở mới quá khó khăn nên hàng ngàn người đành bỏ khu tái định cư về khu vực lòng hồ thủy điện Bản Vẽ mưu sinh.

Theo báo cáo của UBND huyện Tương Dương trong cuộc họp giải quyết các vấn đề liên quan đến việc tái định cư thủy điện Bản Vẽ do UBND tỉnh Nghệ An tổ chức cuối tuần qua, hiện có 342 hộ dân với 1.287 người dựng lán trại, bè, cư trú bất hợp pháp trong khu vực lòng hồ thủy điện. Đa số những hộ dân này từ các khu tái định cư ở huyện Thanh Chương quay trở lại khu vực thủy điện Bản Vẽ để mưu sinh và một số hộ chưa di dời khỏi khu vực lòng hồ thủy điện.

Người dân phải bỏ khu tái định cư quay về chỗ cũ là do thiếu đất sản xuất, đời sống gặp nhiều khó khăn. Ông Phan Đình Hà, Phó Chủ tịch UBND huyện Thanh Chương, thừa nhận: “Hiện tại, một số hộ dân trong diện tái định cư thiếu đất, nguyên nhân là việc thu hồi thêm 1.779,9 ha đất lâm nghiệp để chia đất sản xuất cho các hộ dân gặp khó khăn hiện chưa thực hiện được do một số diện tích đất này trước đó đã giao khoán. Ngoài ra, do vướng mắc về kinh phí nên hiện chưa cấp được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ hộ dân tái định cư thủy điện Bản Vẽ chuyển về ở Thanh Chương”.

Ông Lô Thanh Hải, Phó Chủ tịch UBND huyện Tương Dương, cho biết: “Người dân quay về khu vực lòng hồ dựng nhà, lập bè sinh sống vì cuộc sống tại nơi ở mới khó khăn, không phù hợp với đặc điểm, phong tục tập quán, trình độ sản xuất của họ. Huyện đã nhiều lần kiểm tra, xử lý nhưng người dân vẫn cố thủ, không chịu rời khu vực lòng

hồ. Chúng tôi rất lo lắng về vấn đề này”.

Việc hàng ngàn người dân bất chấp nguy hiểm hằng ngày mưu sinh trên khu vực lòng hồ thủy điện Bản Vẽ tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn. Tai nạn, rủi ro dẫn đến chết người có thể xảy ra bất cứ lúc nào, đặc biệt là trong mùa mưa lũ. Ngoài ra, việc người dân kéo về khu vực lòng hồ còn khiến 85 con em là học sinh phải nghỉ học trong năm 2014-2015.

Ông Huỳnh Thanh Điền, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An, cho rằng việc để những tồn tại trong công tác di dân tái định cư thủy điện Bản Vẽ kéo dài là do các bên liên quan chưa thực sự vào cuộc quyết liệt. Ông Điền yêu cầu UBND huyện Tương Dương trong thời gian tới cần phối hợp với Ban Quản lý Dự án Thủy điện 2 (chủ đầu tư dự án thủy điện Bản Vẽ) quản lý chặt chẽ, xử lý các trường hợp người dân cư trú bất hợp pháp, kiên quyết đưa họ ra khỏi khu vực lòng hồ thủy điện Bản Vẽ.

Nguồn: nld.com.vn

Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ lâu dài để khôi phục thu nhập và đời sống của người dân chưa được chính sách xem xét với nguồn tài chính đảm bảo trong nhiều năm. Có thể nói, chính sách đền bù, tái định cư mới chỉ dừng ở việc đền bù sử dụng đất và các tài sản bị thiệt hại trực tiếp. Các thiệt hại gián tiếp và vô hình khác như nguồn sinh kế, thu nhập, vị trí kinh doanh, đánh bắt cá, khai thác rừng, giá trị văn hoá truyền thống,... cho đến nay chưa được thực sự xem xét trong các kế hoạch tái định cư.

Với tất cả những khó khăn mà người dân đang gặp phải hiện nay ở các khu tái định cư dự án thủy điện, có thể nói, nguyên tắc “cuộc sống nơi ở mới tốt hơn nơi ở cũ” chưa được bảo đảm thực hiện. Hàng vạn con người lâm vào cảnh khó khăn hậu tái định cư, hàng nghìn hộ bị cắt giảm tiền đền bù và hỗ trợ một cách khó hiểu, thiếu rõ ràng, không minh bạch.

Muốn người dân chấp hành chính sách thì trước hết việc thực thi chính sách phải rõ ràng, công khai minh bạch, dân chủ trong công tác đền bù, hỗ trợ và chia sẻ những khó khăn, thiệt thòi với người dân.

III. Một số đề xuất

Tái định cư cho dân vùng có dự án thủy điện không chỉ đơn thuần là cấp đất, xây nhà, trao tiền đền bù là xong. Câu chuyện gìn giữ văn hóa và sinh kế lâu dài cho dân tái định cư vẫn là vấn đề cần chú trọng. Để giải quyết được những tồn tại hiện nay, trước hết, cần xây dựng một cơ chế giải trình minh bạch, đảm bảo sinh kế lâu dài và văn hóa truyền thống của người dân được duy trì, xây dựng chính sách chung, thống nhất cho công tác di dân, tái định cư trong các công trình thủy điện

III.1 Cơ chế giải trình minh bạch

Với cơ chế giải trình minh bạch, cần làm một cuộc khảo sát để lấy ý kiến của người dân về mong muốn về nơi ở của họ sẽ như thế nào, trong đó bao gồm cả các vấn đề thiết kế nhà ở, đường sá, mô mã đều được được ra lấy ý kiến của cộng đồng dân cư và trong các cuộc khảo sát đó cả vợ lẫn chồng đều phải được tham gia... Kết quả sẽ được công bố trong các cuộc họp của thôn đến khi người dân đồng tình mới đưa ra tham vấn cho chủ đầu tư. Bên cạnh đó, cũng thành lập nhóm phát triển tái định cư ngay chính trong cộng đồng người dân để có thể khách quan truyền tải ý kiến của người dân đến với chủ đầu tư, với những người giám sát của cơ quan tài trợ. Vì thực tế là đồng bào các dân tộc thiểu số suốt cuộc đời gắn với nương rẫy, núi rừng; bây giờ bắt họ đến một nơi ở mới, sống một cuộc sống mới và quan trọng nhất là giao họ một số tiền lớn mà không chỉ dẫn cách sử dụng phù hợp và hiệu quả thì không thể nào cho họ một cuộc sống ổn định. Với cơ chế lắng nghe và giải trình mọi điều trước cộng đồng người dân vùng tái định cư thủy điện thực sự có được những lợi ích trước mắt và lâu dài.

III.2 Sinh kế lâu dài và văn hóa cho người dân vùng tái định cư phải được đặt lên hàng đầu trong mỗi dự án thủy điện

Tạo lập cho đồng bào vùng tái định cư các dự án thủy điện có cuộc sống ổn định, bền vững không phải là câu chuyện ngày một ngày hai, mà đòi hỏi cần có thời gian với những giải pháp thích hợp. Nhưng thời gian đó không thể kéo dài và làm theo kiểu “thiếu đâu kêu đó”. Một trong những vấn đề lớn cần giải quyết sớm là đất sản xuất. Các cấp chính quyền cần phải thực tế hơn trong việc cấp đất làm nương rẫy cho bà con, những diện tích này phải có khả năng phát triển sản xuất, đi lại thuận lợi; tiến hành quy hoạch lại đất rừng để bà con có đất sản xuất. Nếu không làm được việc này, chúng ta phải chấp nhận làm lại từ đầu, đưa dân đến vùng có đất sản xuất. Đối với những nơi có điều kiện phát triển diện tích lúa nước, nhà nước cần tập trung đầu tư, cải tạo một cách căn cơ, nhất là hệ thống thủy lợi, đảm bảo đưa vào sản xuất ổn định.

Cùng với trồng nương, phát rẫy, đời sống kinh tế bà con miền núi còn gắn với kinh tế vườn, phát triển chăn nuôi hộ gia đình. Đây thực sự là yêu cầu khó trong điều kiện bố trí tái định cư theo kiểu “phố” tại một số nơi. Do vậy, cần thiết phải thực hiện giãn dân, trước mắt là những hộ mới phát sinh. Với trình độ dân trí thấp, cùng với việc hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, bà con đồng bào vùng tái định cư thủy điện cần được hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc theo kiểu “cầm tay chỉ việc” cho đến khi thu được thành quả, có vậy mới tạo niềm tin và động lực để người dân làm theo. Cùng với đó, dần thay thế trợ cấp trực tiếp gạo, tiền bằng những hình thức trợ cấp gián tiếp.

Cuộc sống chỉ thực sự ổn định, bền vững khi người dân chí thú lao động, xem sự trợ cấp, giúp đỡ từ bên ngoài chỉ là tạm thời, cái chính vẫn là sức lao động của mình.

III.3. Lập kế hoạch di dân và tái định cư với tầm nhìn dài hạn

Trong quá trình lập kế hoạch di dân, tái định cư, nên khuyến khích các hình thức di dân không tập trung theo phương thức xen ghép và tự nguyện nhằm hạn chế sức ép đất đai tập trung, tăng cường khả năng tự điều chỉnh, tiến tới hồi phục nhanh cuộc sống của các hộ dân sau tái định cư. Việc người dân được tham gia đề xuất điểm tái định cư, lựa chọn thiết kế nhà ở và cơ sở hạ tầng ở khu vực tái định cư cần được thực hiện nghiêm túc. Muốn vậy, người dân cần được thông tin đầy đủ và kịp thời về chính sách đền bù và kế hoạch của dự án. Ngoài ra, cần khuyến khích các hộ tái định cư tự lập phương án sản xuất phù hợp theo quy hoạch phê duyệt. Phương thức Nhà nước hỗ trợ vận chuyển, san ủi nền nhà, nhân dân tự tháo dỡ nhà ở cũ, lắp dựng tại nơi ở mới theo sở thích, nguyện vọng riêng của mình tỏ ra là một cách làm phù hợp (như được áp dụng đối với công tác di dời, tái định cư tại Mường La, thuộc dự án Thủy điện Sơn La). Chính sách khuyến khích tái định cư xen ghép và tự nguyện phù hợp với đặc điểm văn hóa của các dân tộc còn góp phần cải thiện cuộc sống cho cộng đồng dân sở tại, hạn chế được những xung đột về văn hóa và phong tục tập quán giữa các cộng đồng, thực hiện chính sách đoàn kết các dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Có thể nói, việc phục hồi thu nhập cho người dân tái định cư là quá trình diễn ra trong nhiều năm, không chỉ dừng lại bằng việc các hộ dân bàn giao mặt bằng và về nơi ở mới. Do kết cấu hạ tầng của các khu tái định cư còn rất yếu kém, nên đời sống của đồng bào các dân tộc hậu tái định cư còn khó khăn, vất vả, còn rất nhiều việc phải làm để ổn định đời sống, phát triển sản xuất.

Cần chú trọng việc giải quyết vấn đề nước và đất sản xuất cho các hộ tái định cư vì đây là hai yếu

tố quyết định đến việc ổn định và phát triển sản xuất cho các hộ tái định cư cũng như hộ dân người địa phương sở tại. Đất đai và nương rẫy là nguồn sinh kế và an ninh lương thực của đồng bào dân tộc. Để thực hiện nguyên tắc đền bù theo phương thức “đất đổi đất” tránh xáo trộn chuyển đổi nghề nghiệp, cần đầu tư khai hoang cho người dân trong các công trình thủy điện. Do vậy, khi lập và phê duyệt kế hoạch tái định cư, cần chú trọng tính thích ứng về đất sản xuất (bao gồm chất lượng đất và diện tích đất), nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt cần thiết nhằm đảm bảo cho cả cộng đồng dân đến định cư và cộng đồng dân sở tại ổn định cuộc sống đồng thời trên nhiều mặt, tránh được những rủi ro do di dân tái định cư gây nên.

III.4. Nâng cao năng lực của các cấp có thẩm quyền

Thực tế các dự án thành phần triển khai chậm, khâu quy hoạch chi tiết của các dự án phải chỉnh sửa nhiều lần làm chậm tiến độ đang là trở ngại cho việc triển khai xây dựng, kiến thiết các công trình hạ tầng, công trình phục vụ sản xuất, đời

sống dân sinh, chậm trễ trong công tác thanh quyết toán, cần tiến hành phân cấp mạnh và trao quyền cho cấp huyện/thị, đồng thời đầu tư nâng cao năng lực cho cán bộ quy hoạch, cán bộ trực tiếp làm công tác di dân tái định cư vốn còn thiếu kinh nghiệm thực tế và chuyên môn. Những bất cập phát sinh từ thực tế đối với cơ chế quản lý và chính sách bồi thường, đền bù, hỗ trợ hiện nay đòi hỏi bộ máy quản lý dự án di dân tái định cư thủy điện phải đề cao trách nhiệm, gắn bó, nhiệt tình với công việc, sâu sát, lắng nghe, xử lý được những vướng mắc, nắm bắt và giải quyết kịp thời, dứt điểm những khó khăn trong quá trình thực hiện chính sách ở cơ sở, đảm bảo tiến độ di dời tái định cư vận hành theo hướng đồng bộ, thống nhất.

III.5 Xây dựng cơ chế chia sẻ lợi ích giữa người dân và chủ đầu tư

Chủ trương người dân di chuyển cũng như người dân sở tại phải có cuộc sống tốt hơn và được hưởng lợi từ công trình dự án và đầu tư phát triển sản xuất cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội có ý nghĩa rất quan trọng. Những khó khăn về kinh phí có thể được khắc phục nếu như nguồn vốn cho tái định cư được quản lý và sử dụng hiệu quả, người dân được hưởng lợi. Đã đến lúc cần yêu cầu chủ dự án lập ra quỹ phục hồi thu nhập sau tái định cư nhằm hỗ trợ cho người dân trong thời gian 10 năm, thậm chí 20 năm sau tái định cư. Nguồn vốn này cần tính toán vào dự án và chủ đầu tư các công trình xây dựng nhà máy sẽ trích lợi nhuận, hoặc thuế tài nguyên sau khi đưa công trình vào hoạt động.

III.6 Xây dựng chính sách chung, thống nhất cho công tác di dân, tái định cư trong các công trình thủy điện

Do đến nay vẫn chưa có một chính sách quốc gia về di dân tái định cư cho các dự án thủy điện nên trong quá trình thực hiện mỗi dự án lại dựa trên một chính sách được phê duyệt riêng. Cần sớm có một chính sách chung, thống nhất cho công tác di dân, tái định cư trong các công trình thủy điện, thủy lợi. Chính sách này cần thực hiện phân cấp mạnh cho cơ sở, quy định rõ nguồn vốn tái định cư, cả người dân di dời và người dân sở tại phải được tham gia thảo luận trực tiếp vào quá trình dời chuyển tái định cư theo nguyên tắc dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân được hưởng. Cơ chế chính sách trong việc quản lý các dự án di dân tái định cư phải dựa trên cơ sở tạo điều kiện thông thoáng cho quá trình thực hiện, đảm bảo tiến độ công trình cũng như tạo nên sự đồng thuận cao giữa người dân nơi đi lẫn người dân sở tại ở nơi đến. Do việc triển khai đầu tư xây dựng các công trình thủy điện thường diễn ra ở miền núi, vùng sâu vùng xa, dân trí thấp nên dễ xảy ra những tiêu cực, dưới nhiều hình thức, đòi hỏi ngoài chính sách, cơ chế quy trình chặt chẽ cần phải có sự quan tâm thường xuyên đối với hoạt động kiểm tra, giám sát, báo cáo và xử lý kịp thời giữa các cấp. Vai trò kiểm tra, theo dõi, đôn đốc và giám sát của các cơ quan cấp tỉnh và các bộ ngành Trung ương trong công tác di dân, tái định cư là hết sức cần thiết. Cần coi trọng các nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch, chính xác, công bằng và kịp thời trong thống kê, áp giá, đền bù, hỗ trợ cho

các hộ dân. Nói một cách khác, chính sách mới cần dựa trên cách tiếp cận trao quyền cho người dân, thay vì việc đáp ứng đơn thuần các nhu cầu thiết yếu của họ. Đây là cách tiếp cận mới có thể c.n xa lạ với tư duy cũ theo hướng chỉ đạo, lập kế hoạch từ trên xuống dưới trong công tác tái định cư, nhưng là một hướng đi cần tìm tòi, thử nghiệm.